

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 09...tháng 09...năm 2009



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 36891 888 Fax: (04) 36861 616

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2008.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV-ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV-ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty có 02 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 22/12/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 12/02/2007.

Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh:

S T T	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân	Số cổ phần (10.000d/1CP)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hùng Phát <i>Đại diện: Trần Thị Lê Hải</i>	Số 41, Hàng Nón, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Số 41, Hàng Nón, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.892.500	28,92
2	Nguyễn Bá Hùng	Số 41, Hàng Nón, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.642.500	36,43
3	Nguyễn Thị Tính	Số 175, Bạch Đằng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	15.000	0,15

Cơ cấu tổ chức của Công ty

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc
- Công ty có 3 công ty con là:

S T T	Tên đơn vị	Tỷ lệ vốn góp	Địa chỉ	Số Giấy phép đăng ký kinh doanh
1	Công ty TNHH Nhựa Đông Á	100%	Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam	0604000011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/02/2007
2	Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	100%	Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội	0104000990 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/03/2007
3	Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	100%	Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh	4104001186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/06/2007

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Vốn kinh doanh của Công ty:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 02 ngày 12/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là: **100.000.000.000VND** (Một trăm tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong ngành xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Gia công cơ khí;
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).

Tên giao dịch quốc tế của Công ty: DONG A PLASTIC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: Tập đoàn Nhựa Đông Á

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 6891 888 Fax: (04) 6861 616

Văn phòng giao dịch: Tầng 6 toà nhà DMC Tower số 535 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7342 888 Fax: (04) 7710 789

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 31/12/2008 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|----------------------|--|
| - Ông Nguyễn Bá Hùng | Chủ tịch |
| - Bà Trần Thị Lê Hải | Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Tính | Thành viên |
| - Ông MARUME | Thành viên (Bổ nhiệm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2008) |
| - Ông Vũ Hùng Cường | Thành viên (Bổ nhiệm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2008) |

Ban Tổng giám đốc

- | | |
|----------------------|--|
| - Bà Trần Thị Lê Hải | Tổng giám đốc |
| - Ông Vũ Hùng Cường | Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng |

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 31/12/2008.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2008 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á



Trần Thị Lê Hải
Tổng giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2009



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 522-09/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2008 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài 2008 được lập ngày 02/03/2009 của Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") từ trang 7 đến trang 30 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi xin lưu ý, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán là Báo cáo riêng của nhà đầu tư, do đó các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á cho năm tài chính 2008:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt và thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 195-09/BC-TC/III-VAE ngày 31/03/2009. Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á giữ 03 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1107/KTV

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

ĐT: (04) 36891 888 Fax: (04) 36861 616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2008

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2008	01/01/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		87.377.150.727	55.112.552.186
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		165.560.533	8.417.589.860
1. Tiền	111	V.1.1	165.560.533	1.517.589.860
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.075.262.196	44.780.872.414
1. Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	7.144.352.875	5.364.013.787
2. Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	6.695.836.524	17.027.113.611
3. Phải thu nội bộ	133	VIII.2.3	-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.2.	71.235.072.797	22.389.745.016
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	837.797.067
1. Hàng tồn kho	141	V.3.	-	837.797.067
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.136.327.998	1.076.292.845
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	132.013.459
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		472.666.117	100.456.913
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.4.	460.927.589	460.927.589
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	1.202.734.292	382.894.884
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		113.204.188.522	103.210.053.743
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		169.810.000	169.810.000
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.5.	169.810.000	169.810.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.861.244.135	19.436.412.673
1. TSCĐ hữu hình	221	V.6.	3.920.657.622	5.169.161.248
- Nguyên giá	222		6.346.112.568	6.870.077.588
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.425.454.946)	(1.700.916.340)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.7.	-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.7.	277.527.859	16.952.355
- Nguyên giá	228		407.819.466	111.405.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.291.607)	(94.453.511)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	24.663.058.654	14.250.299.070
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		82.244.752.693	80.400.193.986
1. Đầu tư vào Công ty con	251	VIII.2.4	82.244.752.693	65.400.193.986
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	VIII.2.5	-	15.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.928.381.694	3.203.637.084
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	1.928.381.694	3.203.637.084
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		200.581.339.249	158.322.605.929

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2008	01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		104.685.322.369	54.807.644.332
I. Nợ ngắn hạn	310		86.998.191.452	40.745.986.654
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	57.629.198.874	33.543.812.794
2. Phải trả người bán	312	VIII.2.6	2.336.188.412	3.064.050.075
3. Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.7	-	593.940.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	440.947.870	492.280.015
5. Phải trả người lao động	315		244.198.734	255.432.336
6. Chi phí phải trả	316	V.12.	68.796.870	8.300.277
7. Phải trả nội bộ	317	VIII.2.12	-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13.	26.278.860.692	2.788.171.157
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		17.687.130.917	14.061.657.678
3. Phải trả dài hạn khác	333	VIII.2.8	60.000.000	60.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	17.627.130.917	14.001.657.678
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		95.896.016.880	103.514.961.597
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	96.880.380.055	103.937.161.900
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(3.119.619.945)	3.937.161.900
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(984.363.175)	(422.200.303)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(984.363.175)	(422.200.303)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		200.581.339.249	158.322.605.929

Kế toán trưởng



Vũ Hùng Cường

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2009

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á



Tổng giám đốc

CÔ PHÂN

TẬP ĐOÀN NHỰA

ĐÔNG Á

Trần Thị Lê Hải

Mẫu số B 02 - DN

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16.	41.336.030.339	62.708.345.279
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17.	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.17.	41.336.030.339	62.708.345.279
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18.	36.787.232.999	50.264.233.286
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.548.797.340	12.444.111.993
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19.	190.103.766	94.997.966
7. Chi phí tài chính	22	VI.20.	2.080.131.636	683.127.394
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		952.034.147	551.678.748
8. Chi phí bán hàng	24	VIII.2.9	2.791.825.805	2.035.360.262
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.10	4.248.408.703	6.429.949.297
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30		(4.381.465.038)	3.390.673.006
11. Thu nhập khác	31	VIII.2.11	1.424.568.912	165.640.207
12. Chi phí khác	32	VIII.2.12	1.366.668.310	9.942.009
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		57.900.602	155.698.198
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(4.323.564.436)	3.546.371.204
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21.	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.22.	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(4.323.564.436)	3.546.371.204
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(432)	355

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Kế-toán trưởng

[Signature]

Vũ Hùng Cường

Tổng giám đốc



Trần Thị Lê Hải

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Năm 2008

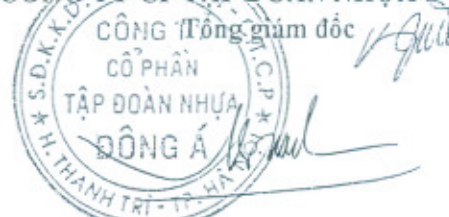
Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2008	Năm 2007
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22.556.440.545	108.020.307.063
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(26.596.296.172)	(75.380.507.132)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.880.795.712)	(2.617.759.376)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(952.034.147)	(532.229.093)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(754.524.987)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		48.967.089.318	21.247.919.738
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(42.063.264.403)	(27.816.500.158)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>(968.860.571)</i>	<i>22.166.706.055</i>
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS DH khác	21		(19.558.832.793)	(17.648.183.839)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		1.540.000.000	4.188.369
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(15.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.091.110.012
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.547.309.088)	(15.000.000.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	(1.200.000.000)
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		128.939.463	32.063.832
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>(24.437.202.418)</i>	<i>(47.720.821.626)</i>
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	69.850.000.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		119.329.632.075	1.000.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(92.194.099.823)	(38.118.906.743)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(839.843.712)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.981.200.000)	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>17.154.332.252</i>	<i>31.891.249.545</i>
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	50		<i>(8.251.730.737)</i>	<i>6.337.133.974</i>
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.417.589.860	2.080.553.460
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(298.590)	(97.574)
	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</i>	70	V.1.	<i>165.560.533</i>	<i>8.417.589.860</i>

Kê toán trưởng



Vũ Hùng Cường

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2009
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á


Trần Thị Lê Hải

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

ĐT: (04) 36891 888 Fax: (04) 36861 616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2008

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2008****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 02 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 22/12/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 12/02/2007;

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong ngành xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Gia công cơ khí;
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).

Trụ sở: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội

Tel: (04) 6891 888 Fax: (04) 6861 616

4. Các Công ty con

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ vốn góp	Địa chỉ	Số Giấy phép đăng ký kinh doanh
1	Công ty TNHH Nhựa Đông Á	100%	Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam	0604000011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/02/2007
2	Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	100%	Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội	0104000990 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/03/2007
3	Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	100%	Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh	4104001186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/06/2007

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

(tiếp theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính bằng phần mềm kế toán Effect. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính. Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quang Trung có thời gian đáo hạn nhỏ hơn 3 tháng.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2008
(tiếp theo)

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán tài sản cố định hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	3 - 7,5
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect và phần mềm quản lý
Việc ghi nhận và phương pháp Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ - BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2008
(tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao T < năm >

Phần mềm kế toán Effect	4
Hệ thống quản lý ISO 9001	4

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là khoản tiền gửi ngắn hạn vào Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quang Trung.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh có thời hạn thu hồi trên một năm được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính đối với những khoản vay dùng cho mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các khoản vay dài hạn dùng cho việc đầu tư xây dựng cơ bản Công ty hạch chi toán phí lãi vay của những khoản vay này vào giá trị công trình xây dựng cơ bản tương ứng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh ;

Chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần quá lớn cần phải phân bổ cho nhiều kỳ kế toán;

Lãi tiền vay trả trước;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được tính phân bổ dần vào chi phí kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên hợp đồng đã ký.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2008
(tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính đối với những khoản vay dùng cho mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các khoản vay dài hạn dùng cho việc đầu tư xây dựng cơ bản Công ty hạch chi toán phí lãi vay của những khoản vay này vào giá trị công trình xây dựng cơ bản tương ứng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo sổ vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm nhựa như: tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao; doanh thu sản phẩm nhựa UPVC, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và doanh thu khác.

Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2008
(tiếp theo)

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

13.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng. Đối với khách hàng lẻ bán hàng qua điện thoại căn cứ vào Phiếu xuất kho, Biên bản giao nhận và Hoá đơn bán hàng đã xuất để hạch toán.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Đến thời điểm 31/12/2008 Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tài sản cố định mua sắm thì giá trị hạch toán là giá trị của tài sản mua vào theo hợp đồng, các chi phí có liên quan như chi phí thuế nhập khẩu (nếu có), chi phí vận chuyển và các chi phí khác.

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích kinh doanh, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

13.3 Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 01 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 01 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

13.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các sản phẩm hàng hoá từ nhựa.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 55/GP - UB ngày 13/06/2006 của UBND Thành phố Hà Nội và chứng nhận ưu đãi đầu tư số 39/GCNUĐ ngày 30/03/2006 của chủ tịch UBND Tỉnh Hà Nam thì Công ty thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nhựa Đông Á tại Cụm công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội và tại Hà Nam nên phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh của hai dự án trên đang trong giai đoạn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Hai dự án trên hình thành nên hai công ty đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/04/2007 là Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Một thành viên SMW.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2008
 (tiếp theo)

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 28% trên lợi nhuận chịu thuế đối với phần thu nhập của hoạt động chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

13.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
1.1 Tiền	165.560.533	1.517.589.860
1.1.1 Tiền mặt tại quỹ	14.746.680	104.256.026
Tiền mặt VND	14.746.680	104.256.026
1.1.2 Tiền gửi Ngân hàng	150.813.853	1.413.333.834
Tiền VND	141.107.897	1.403.660.276
Sở giao dịch Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam	1.180.656	227.761.412
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	75.438.897	1.160.989.717
Ngân hàng Cổ phần Phương Nam	1.698.572	1.647.924
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	5.797.093	5.661.830
Ngân hàng May Bank	7.423.338	7.599.393
Ngân hàng Á Châu Hà Nội (ACB)	49.569.341	-
Tiền USD	9.705.956	9.673.558
Sở giao dịch Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam	1.648.467	1.720.170
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	180.635	171.131
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	7.443.905	7.028.927
Ngân hàng May Bank	432.949	753.330

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

ĐT: (04) 36891 888 Fax: (04) 36861 616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2008

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

(tiếp theo)

1.2	Các khoản tương đương tiền	-	6.900.000.000
	Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	-	6.900.000.000
	Tổng cộng	165.560.533	8.417.589.860
2.	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
	<i>Phải thu khác</i>	<i>71.235.072.797</i>	<i>22.389.745.016</i>
	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	160.315.151	252.313.350
	Công ty TNHH Một thành viên SMW	12.936.125.670	5.438.296.586
	Công ty TNHH Nhựa Đông á	36.384.953.167	16.614.630.443
	Vũ Hùng Cường	150.000.000	-
	Nguyễn Chính Cường	100.000.000	-
	Công ty CP Tư vấn đầu tư Tây Đô	21.353.000.000	-
	Đối tượng khác	84.071.708	32.508.659
	Dư nợ TK 338	51.530.365	51.995.978
	Tổng cộng	71.235.072.797	22.389.745.016
3.	Hàng tồn kho	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
	Hàng hoá	-	837.797.067
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	-	837.797.067
4.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	459.276.582	459.276.582
	Thuế GTGT	1.651.007	1.651.007
	Tổng cộng	460.927.589	460.927.589
5.	Phải thu dài hạn khác	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
	Ký quỹ, ký cược dài hạn	169.810.000	169.810.000
	Tổng cộng	169.810.000	169.810.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2008	109.580.000	6.519.058.463	241.439.125	6.870.077.588
- Mua trong năm	-	658.163.998	319.382.182	977.546.180
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(109.580.000)	(1.391.931.200)	-	(1.501.511.200)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2008	-	5.785.291.261	560.821.307	6.346.112.568
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2008	-	1.634.308.556	66.607.784	1.700.916.340
- Khấu hao trong năm	-	674.889.960	78.647.213	753.537.173
- Thanh lý, nhượng bán	-	(28.998.567)	-	(28.998.567)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2008	-	2.280.199.949	145.254.997	2.425.454.946
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2008	109.580.000	4.884.749.907	174.831.341	5.169.161.248
Tại ngày 31/12/2008	-	3.505.091.312	415.566.310	3.920.657.622

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 129.251.160 đồng

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học	Hệ thống quản lý chất lượng	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2008	91.559.200	19.846.666	111.405.866
- Mua trong năm	296.413.600	-	296.413.600
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2008	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2008	91.559.200	2.894.311	94.453.511
- Khấu hao trong năm	30.876.420	4.961.676	35.838.096
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2008	122.435.620	7.855.987	130.291.607
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2008	-	16.952.355	16.952.355
Tại ngày 31/12/2008	265.537.180	11.990.679	277.527.859

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

ĐT: (04) 36891 888 Fax: (04) 36861 616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2008

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

(tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Mua sắm TSCĐ	1.718.165.134	1.456.841.054
Khu công nghiệp Ngọc Hồi - Dự án Công ty TNHH MTV SMW	3.317.103.900	2.340.027.873
Khu công nghiệp Hà Nam - Dự án Công ty TNHH Nhựa Đông Á	246.327.840	4.405.715.657
Khu công nghiệp Tân Tạo - Dự án Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	19.381.461.780	5.945.587.052
Chi phí khác	-	102.127.434
Tổng cộng	24.663.058.654	14.250.299.070
9. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Chi phí chung của Văn phòng	1.148.055.088	2.967.854.013
Chi phí lãi vay trung hạn và dài hạn đầu tư xây dựng nhà xưởng	780.326.606	199.160.196
Chi phí khác	-	36.622.875
Tổng cộng	1.928.381.694	3.203.637.084
10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
10.1 <i>Vay ngắn hạn</i>	44.132.959.717	23.194.152.335
Vay ngân hàng		23.194.152.335
Sơ giao dịch ngân hàng ĐT&PT Việt Nam		
VND	35.264.427.535	15.832.418.098
USD	8.868.532.182	7.361.734.237
10.2 <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	13.496.239.157	10.349.660.459
Nợ dài hạn ngân hàng	13.496.239.157	10.349.660.459
Sơ giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
VND	11.246.239.157	5.920.000.000
USD	2.250.000.000	4.429.660.459
Cộng	57.629.198.874	33.543.812.794
11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Khoản mục		
Thuế GTGT	134.563.854	178.333.097
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	134.563.854	178.333.097
Thuế xuất, nhập khẩu	112.243.910	205.843.047
Thuế thu nhập cá nhân	194.140.106	108.103.871
Cộng	440.947.870	492.280.015

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

ĐT: (04) 36891 888 Fax: (04) 36861 616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2008

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

(tiếp theo)

12. Chi phí phải trả	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Trích trước tiền điện thoại Mobifone tháng 12	23.429.925	-
Trích trước chi phí nhập khẩu lô hàng	36.181.545	-
Chi phí khác	9.185.400	8.300.277
Tổng cộng	68.796.870	8.300.277
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Kinh phí công đoàn	14.400	14.400
Bảo hiểm xã hội, BH Y tế	76.494.960	19.470.480
Trần Thị Lê Hải	1.600.110.752	-
Thuế hải quan chuyển sai danh mục	-	79.152.993
Công ty CP Tư vấn đầu tư Tây Đô	1.353.000.000	-
Đối tượng khác	20.750.258	4.090.000
Công ty TNHH Nhựa Đông á	13.010.283.222	1.385.338.861
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông á	485.329.763	1.207.470.961
Công ty TNHH Một thành viên SMW	9.732.877.337	92.633.462
Tổng cộng	26.278.860.692	2.788.171.157
14. Vay và nợ dài hạn	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
<i>Vay dài hạn</i>	17.627.130.917	14.001.657.678
Vay ngân hàng	17.627.130.917	14.001.657.678
Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.177.130.917	14.001.657.678
VND	4.177.130.917	8.162.929.461
USD	-	5.838.728.217
Ngân hàng Á Châu	13.450.000.000	-
VND	13.450.000.000	-
Tổng cộng	17.627.130.917	14.001.657.678

15. Vốn chủ sở hữu**15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2007	30.150.000.000	546.168.365	30.696.168.365
- Tăng vốn trong năm trước	69.850.000.000	-	69.850.000.000
- Lãi trong năm trước	-	3.546.371.204	3.546.371.204
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-
- Giảm khác	-	(155.377.669)	(155.377.669)
Số dư tại ngày 31/12/2007	100.000.000.000	3.937.161.900	103.937.161.900

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

(tiếp theo)

- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	(4.323.564.436)	(4.323.564.436)
- Lợi nhuận từ công ty con	-	7.448.807.927	7.448.807.927
- Chia cổ tức	-	(9.981.200.000)	(9.981.200.000)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-
- Giảm khác	-	(200.825.336)	(200.825.336)
Số dư tại ngày 31/12/2008	100.000.000.000	(3.119.619.945)	96.880.380.055
15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		31/12/2008	01/01/2008
		VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát		28.925.000.000	28.925.000.000
Nguyễn Bá Hùng		36.425.000.000	36.425.000.000
Nguyễn Thị Tinh		150.000.000	150.000.000
Nguyễn Thị Tuyết		4.160.000.000	4.160.000.000
Trần Thị Lê Hà		10.140.000.000	10.140.000.000
Việt Nam Growth Capital L.L.C		5.000.000.000	5.000.000.000
Trần Văn Thái		1.515.000.000	1.515.000.000
Nguyễn Văn Dương		2.070.000.000	2.070.000.000
Các cổ đông khác		11.615.000.000	11.615.000.000
Tổng cộng		100.000.000.000	100.000.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0			
15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:		31/12/2008	01/01/2008
		VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp đầu năm		100.000.000.000	30.150.000.000
Vốn góp tăng trong năm		-	69.850.000.000
Vốn góp giảm trong năm		-	-
Vốn góp cuối năm		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia		9.981.200.000	-
15.4 Cổ tức			
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: 0			
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0			
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0			
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0			
15.5 Cổ phiếu			
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:		10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:		10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông:		10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi:		-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

(tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu được mua lại:	-	-
- Cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông:	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi:	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cp

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, vật tư		
Doanh thu bán thành phẩm	-	31.634.990.436
Doanh thu bán hàng hoá	41.336.030.339	27.476.797.556
Doanh thu bán vật tư	-	3.596.557.287
Tổng cộng	41.336.030.339	62.708.345.279
17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, vật tư		
Doanh thu bán thành phẩm	-	31.634.990.436
Doanh thu bán hàng hoá	41.336.030.339	27.476.797.556
Doanh thu bán vật tư	-	3.596.557.287
Cộng	41.336.030.339	62.708.345.279
18. Giá vốn hàng bán	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, vật tư		
Giá vốn thành phẩm	-	15.030.971.440
Giá vốn hàng hoá	36.787.232.999	29.391.153.185
Giá vốn vật tư	-	5.842.108.661
Tổng cộng	36.787.232.999	50.264.233.286
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền gửi	128.943.186	37.686.846
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	61.160.580	57.311.120
Tổng cộng	190.103.766	94.997.966

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

(tiếp theo)

20. Chi phí tài chính	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí lãi vay	952.034.147	529.330.402
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	533.199.259	18.345.396
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	594.898.230	22.558.658
Chi phí khác	-	112.892.938
Tổng cộng	2.080.131.636	683.127.394
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.323.564.436)	3.546.371.204
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.323.564.436)	3.546.371.204
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(432)	355

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

22. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
--	-----------------	-----------------

Đánh giá chênh lệch tỉ giá cuối kỳ đối với các khoản vay có gốc ngoại tệ

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan:

	Quan hệ với Công ty	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	cổ đông sáng lập	17.785.068.791	31.516.189.146
Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	Công ty con	17.219.741.066	198.359.087
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	2.069.881.675	3.398.198.200

1.3 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	cổ đông sáng lập	4.405.251.946	4.566.843.806
Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	Công ty con	13.626.429.954	5.438.296.586
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	36.384.953.167	16.614.630.443
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Công ty con	485.329.763	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

(tiếp theo)

Các khoản phải trả

Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	Công ty con	9.732.877.337	1.385.338.861
Công ty TNHH Nhựa Đông á	Công ty con	13.010.283.222	1.207.470.961
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông á	Công ty con	485.329.763	92.633.462

2. Những thông tin khác

2.1 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2007 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Kế toán trưởng



Vũ Hùng Cường

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2009

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á



Trần Thị Lê Hải

1-CT
TY
JUNAN
NH GIA
HA NC